

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-12-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thao;

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2024/TLST-HNGĐ ngày 28-10-2024 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-12-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn F, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Văn Đức T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn F, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Văn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03-3-2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn F, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái hoà thuận, hạnh phúc một thời gian đầu đến khi sinh con đầu lòng anh T hay uống rượu dẫn đến vợ chồng hay mâu thuẫn cãi nhau, cho đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh T nết rượu, khi có rượu là chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị H nhiều lần. Thậm chí còn mắng chửi, xúc phạm cả bố mẹ chị H rất nhiều lần, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau vì những lúc như vậy anh T không giữ được bình tĩnh và thường tức giận, chửi mắng vô cớ. Chị H đi làm về mệt mỏi nhưng anh T không lo lắng cho chị mà còn ghen tuông mù quáng và dùng những lời lẽ không tốt đẹp để xúc phạm danh dự của chị, mặc dù đã được hai bên gia đình cùng chính

quyền địa phương khuyến bảo nhưng anh T không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Văn Đức T.

Về con chung: Chị và Văn Đức T có hai con chung là Văn Đức T1, sinh ngày 09-8-2006 đã trưởng thành và Văn Đức T2, sinh ngày 10-02-2014. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Văn Đức T2, không yêu cầu anh Văn Đức T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 15-11-2024 và tại phiên toà, bị đơn anh Văn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Văn Đức T công nhận việc kết hôn tự nguyện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị Nguyễn Thị H trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Thỉnh thoảng anh T có uống rượu, vợ chồng cãi nhau nhưng chỉ là những chuyện nhỏ trong cuộc sống mà gia đình nào cũng có, tuy nhiên chị H không quan tâm đến anh T, không thường xuyên ăn cơm ở nhà và cũng không chú trọng đến việc nhà, đi đâu cũng không nói cho chồng biết. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng mà chị H trình bày là chưa đúng. Những lúc vợ chồng mâu thuẫn chị H cũng đánh và chửi mắng anh T mặc dù anh luôn chăm lo cho cuộc sống gia đình, lo cơm nước nhà cửa mỗi ngày khi chị H đi làm. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị H vẫn còn và muốn Toà án hoà giải để vợ chồng về sống đoàn tụ.

Về con chung: Anh Văn Đức T công nhận có hai con chung là Văn Đức T1, sinh ngày 09-8-2006 đã trưởng thành và Văn Đức T2, sinh ngày 10-02-2014. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì tùy ở chị H, anh không nhất trí, nên về con không đặt ra giải quyết và đây là con đẻ của anh nên anh có trách nhiệm nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh Văn Đức T không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đề nghị:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Văn Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Văn Đức T2, sinh ngày 10-02-2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn với Văn Đức T, nơi cư trú: Thôn F, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Văn Đức T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03-3-2006 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã và có xô sát đánh chửi nhau nhiều lần. Quá trình giải quyết anh Văn Đức T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh chị không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nên đã đề nghị không yêu cầu Tòa án hoà giải mà giải quyết cho anh chị được ly hôn. Nhận thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Văn Đức T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Văn Đức T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[2.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Văn Đức T có hai con chung là Văn Đức T1, sinh ngày 09-8-2006 đã trưởng thành và Văn Đức T2, sinh ngày 10-02-2014. Xét thấy cháu Văn Đức T2 có đơn thể hiện nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện tinh thần và cuộc sống ổn định, xét thấy cần giao cháu Văn Đức T2 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Đối với mức cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Văn Đức T cấp dưỡng, anh Văn Đức T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Văn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[3] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Văn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Văn Đức T2, sinh ngày 10-02-2014, sinh ngày 15-6-2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Văn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2024/0000559 ngày 28-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Việt Cường;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Phương